

Số: 278/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 16 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/20120/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 của người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: H01/10 K26 đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng

- Bà Lê Thị H - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ 94 phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2013, quyển số 1/2013 ngày 08/7/2013). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ H01/10 K26 đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, vợ chồng thuê nhà sinh sống tại địa chỉ: Tổ 94 phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2017. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Trong quá trình chung sống, ông L đã bỏ đi hai lần, không chia sẻ và ít quan tâm vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Tại phiên giải, ông L và bà H đều xác định mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông L và bà Hạnh.

[2] *Về con chung*: Ông L và bà H xác định có 01 con chung là: Nguyễn Lê Gia B - Sinh ngày 08/6/2013. Ông Lê Văn Lai đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Gia B - Sinh ngày 08/6/2013 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, và cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020 và vào ngày 05 hàng tháng. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông L và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H xác định không có.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà H và ông L đã nộp theo biên lai thu số 0001240 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 08 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn L và Bà Lê Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2013, quyển số 1/2013 ngày 08/7/2013).

- *Về con chung*: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L xác định có 01 con chung và thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Lê Gia B - Sinh ngày 08/06/2013 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con

chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020 và vào ngày 05 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Văn L phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà H và ông L đã nộp theo biên lai thu số 0001240 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Khuê Trung;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền